

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LA GI
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: **02/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: **17 – 01 – 2023**

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quang – Ông Lê Ngọc Thơm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Song Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã La Gi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 415/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Tuyết N, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 1, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 1, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21.10.2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn – bà Ngô Thị Tuyết N thể hiện:

Bà N và ông L chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Thiện, thị xã La Gi, Giấy chứng nhận kết hôn số 46, đăng ký ngày 15/10/2020. Trong thời gian chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì giữa vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc, giữa bà N và ông L đã không còn chung sống với nhau khoảng 05 tháng nay. Bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Hữu L.

Về con chung: Bà N và ông L có 01 người con chung: Nguyễn Ngọc N. Y, sinh ngày 08/7/2019 (Giới tính Nữ), cháu Y đang ở với bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y, và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn – ông Nguyễn Hữu L thể hiện: Về việc đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung, nợ chung đúng như bà N trình bày. Ông L đồng ý ly hôn. Khi ly hôn ông L đồng ý giao người con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) như bà N yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung ông L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: cả nguyên đơn lẫn bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp.

Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị Tuyết N.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc N. Y, sinh ngày 08/7/2019 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Ngô Thị Tuyết N, xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông L là hợp pháp, trong thời gian chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, không biết tôn trọng, nhường nhịn, thương yêu, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau, giữa bà N và ông L đã không còn chung sống với nhau khoảng 05 tháng nay, việc bà N yêu cầu ly hôn ông L đồng ý. Quá trình giải quyết bà N và ông L đều đề nghị giải quyết vắng mặt. Từ đó chứng tỏ giữa bà N và ông L không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không tồn tại. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Giữa bà N và ông L có 01 người con chung: Nguyễn Ngọc N. Y, sinh ngày 08/7/2019 (Giới tính Nữ), hiện cháu Y đang ở với bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y. Xét việc yêu cầu nuôi con của bà N nhận thấy: khi giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, việc học hành và tinh thần; Từ khi bà N và ông L không còn sống chung thì cháu Y ở với bà N, bà N vẫn chăm sóc nuôi dưỡng đảm bảo, hơn nữa cháu Y còn nhỏ và là nữ giới, việc bà N yêu cầu trực tiếp nuôi con được ông L đồng ý. Vì vậy nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà N, giao cháu Nguyễn Ngọc N.Y, sinh ngày 08/7/2019 (Giới tính Nữ) cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Sau khi ly hôn, ông L con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai

được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn bà N yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), đối với yêu cầu này về phía ông L đồng ý. Do đó chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của bà N, buộc ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 21, 28, 35, 39, 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Tuyết N.

Bà Ngô Thị Tuyết N được ly hôn ông Nguyễn Hữu L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc N.Y, sinh ngày 08/7/2019 (Giới tính Nữ) cho bà Ngô Thị Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Buộc ông Nguyễn Hữu L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Ngọc N.Y mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

4. Về án phí: Bà Ngô Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền

tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012907 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi. Bà N đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Hữu L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các bên đương sự. Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã La Gi;
- Chi cục THADS thị xã La Gi;
- UBND P. Tân Thiện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

BÙI ĐĂNG

